TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **41**/2018/HSST
Ngày: 25-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮKNÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác; ông Nguyễn Đình Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/ QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hồ Minh Thanh T, sinh năm: 1987; Tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông: Hồ Minh Đ (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ là: Trương Nhân H, sinh năm 1986 và 02 người con; Con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 19/7/2018, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại – có mặt.

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1978; Tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông: Nguyễn Đ (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; Bị cáo có vợ là: Thái Thị Xuân H, sinh năm 1978 và 02 người con; Con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 19/7/2018, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại – có mặt.

3. Châu Ngọc D, sinh năm: 1978: Tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: thôn T, huyện T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông: Châu Ngọc D, sinh năm 1949 và bà: Trần Thị H, sinh năm 1951; Bị cáo có vợ là: Kiều Thị N, sinh năm 1986 và 03 người con; Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/4/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số: 26/2007/HSST, ngày 04/4/2007, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 19/7/2018, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại – có mặt.

4. Lê Văn T, tên gọi khác: C, sinh năm: 1983; Tại: tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở trước khi phạm tội: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê L (đã chết) và bà: Lê Thị Đ, sinh năm 1943; Bị cáo có vợ là: Huỳnh Thị Mộng M, sinh năm 1984 và 01 người con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 19/7/2018, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại – Có mặt.

5. Phan Thế V, sinh năm: 1985; Tại tỉnh Phú Yên; Nơi đăng ký HKTT: thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở trước khi phạm tội: thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 08/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phan Thế G, sinh năm 1963 và bà: Tô Thị T, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ là: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1988 và 01 người con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 19/7/2018, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại – Có mặt.

6. Phan Thị Thanh T, tên gọi khác: T, sinh năm: 1987; Tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký HKTT: thôn 15, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở trước khi phạm tội: tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phan Thanh S, sinh năm 1955 và bà: Lê Thị C, sinh năm 1955; Bị cáo có chồng là: Nguyễn Tấn H, sinh năm 1979 và 05 người con; Con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 05 tháng 02 ngày, về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số: 39/2012/HSST, ngày 07/12/2002, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được

xóa án tích; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại – Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Quốc V, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 52 Trần Huy Liệu, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt)

3. Chị Trương Nhân H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; (có mặt)

5. Anh Lê Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông; (vắng mặt)

6. Lê Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 09/7/2018, trong lúc đang ngồi uống cà phê thì Lê Văn T, Phan Thế V, Châu Ngọc D, Phan Thị Thanh T và Nguyễn Thanh T cùng rủ nhau đi vào chòi rẫy cà phê nhà anh Trần Quốc V (thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông) để đánh bài phỏm ăn tiền thì được tất cả đồng ý. Lê Văn T đi bộ sang quán tạp hóa gần đó mua 06 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, nước ngọt và bánh để mang theo phục vụ cho việc đánh bạc. Cùng lúc này, Nguyễn Thanh T nhìn thấy bạn là Hồ Minh Thanh T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số 47C - 123.48 đi ngang qua thì Nguyễn Thanh T gọi, nhờ Hồ Minh Thanh T chở Lê Văn T, Châu Ngọc D, Phan Thị Thanh T đi vào hướng cửa khẩu Đ để vào rẫy nhà anh Trần Quốc V. Khi đến gần rẫy của anh Trần Quốc V thì Lê Văn T, Châu Ngọc D, Phan Thị Thanh T đi bộ vào chòi rẫy của anh Trần Quốc V, còn Hồ Minh Thanh T tiếp tục đi công việc riêng. Một lúc sau, Phan Thế V đi bộ đến, do trước đó Phan Thế V thường xuyên đi làm và mượn chòi rẫy của anh Trần Quốc V để ngủ nên đã biết được vị trí dấu chìa khóa chòi rẫy, vì vậy Phan Thế V đã lấy được chìa khóa mở cửa để cả nhóm cùng vào chòi đánh bạc.

Các bị cáo đánh bạc theo hình thức như sau: Từ bộ bài tú lơ khơ 52 lá, người chia đầu tiên chia cho 03 người còn lại mỗi người 09 lá bài, người chia được 10 lá bài, phần bài dư để ở giữa chiếu bạc để rút. Người chia bài đầu tiên hoặc người về nhất đánh trước rồi lần lượt những người khác đánh theo vòng. Kết thúc ván bài người nào ít điểm nhất sẽ về nhất, sau đó đến người ít điểm thứ hai, người thứ ba, người thứ tư. Nếu điểm bằng nhau thì người nào hạ bài trước người đó sẽ là

người về trước. Người về thứ hai chung 50.000đồng, người về thứ ba chung 100.000 đồng, người về thứ tư chung 150.000đồng, người cháy (không có phỏm) chung 200.000 đồng. Nếu ai ù thì những người còn lại sẽ chung 250.000đồng; nếu ai ù tròn thì những người còn lại sẽ chung 500.000 đồng. Người về nhất hoặc người ù/ù tròn sẽ được lấy hết số tiền trên. Sau khi đã thống nhất hình thức đánh bạc thì Lê Văn T, Phan Thế V, Châu Ngọc D, Phan Thị Thanh T bắt đầu đánh bạc. Chơi hết ván đầu tiên thì Châu Ngọc D hỏi mượn tiền Lê Văn T nhưng Lê Văn T không có nên mượn của Phan Thị Thanh T số tiền 5.000.000đồng đưa cho Châu Ngọc D. Một lúc sau, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 48F7 – 4096 (xe của Lê Văn T mượn của anh Lê Văn T để sử dụng) đến thì Lê Văn T không chơi nữa mà nhường chỗ cho Nguyễn Thanh T chơi. Trong lúc chơi, Nguyễn Thanh T bị thua hết tiền nên mượn Châu Ngọc D 2.000.000 đồng để chơi tiếp thì được Châu Ngọc D đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Hồ Minh Thanh T đi tìm mua gỗ ở khu vực rẫy của anh Trần Quốc V và đến ngồi xem đánh bài thì Nguyễn Thanh T hỏi mượn của Hồ Minh Thanh T 10.000.000đồng. Hồ Minh Thanh T gọi điện cho vợ là Trương Nhân H chuẩn bị tiền để cho Hồ Minh Thanh Th lấy trả tiền gỗ, đồng thời Hồ Minh Thanh T gọi điện thoại cho Lê Văn H đến gặp Trương Nhân H lấy tiền, ngoài ra Hồ Minh Thanh T còn nhờ Lê Văn H mua đồ ăn và bài tú lơ khơ mang vào. Khi Lê Văn H mang tiền, bài, đồ ăn đến thì Hồ Minh Thanh T lấy đưa cho Nguyễn Thanh T 10.000.000đồng, Nguyễn Thanh T lấy 2.000.000đồng trả cho Châu Ngọc D, 2.000.000đồng để tiếp tục đánh bạc, còn 6.000.000đồng cất vào túi quần sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau đó, Phan Thế V nhờ Hồ Minh Thanh T đánh dùm vài ván trong khi Phan Thế V ăn tối thì được Hồ Minh Thanh T đồng ý. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị lực lượng Công an huyện Đắk Mil phát hiện và bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 8.200.000đồng, 14 bộ bài tú lơ khơ 52 lá và thu giữ trên người các con bạc số tiền 19.520.000đồng. Quá trình điều tra đã chứng minh được số tiền các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc là 16.510.000đồng

Tại Bản cáo trạng số 45/CTr – VKS ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Lê Văn T, Phan Thế V và Phan Thị Thanh T về tội "*Đánh bạc*", theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Lê Văn T, Phan Thế V và Phan Thị Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Lê Văn T, Phan Thế V và Phan Thị Thanh T về tội "*Đánh bạc*", đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt: bị cáo Lê Văn T và Phan Thế V mỗi bị cáo mức án từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt: bị cáo Nguyễn Thanh T và Hồ Minh Thanh T mỗi bị cáo từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng về tội "Đánh bạc" nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt: bị cáo Châu Ngọc D mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng về tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt: bị cáo Phan Thị Thanh T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam về tội "Đánh bạc".

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 48F7 - 4096 cho anh Lê Văn T; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số 47C - 123.48 cho chị Nguyễn Thị H; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0978838595 cho Châu Ngọc D; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0975731343 cho Lê Văn H; 01 điện thoại Oppo màu trắng bạc, bên trong có sim số 0899358647 cho Phan Thị Thanh T; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0906970385 và số tiền 5.000.000đồng cho Phan Thế V; số tiền 6.000.000đồng cho Nguyễn Thanh T; số tiền 210.000đồng cho Hồ Minh Thanh T, là các chủ sở hữu hợp pháp do không liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.510.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Hồ Minh Thanh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đencủa Nguyễn Thanh T; 01 điện thoại Nokia màu đen của Lê Văn T do liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0983993539 của Hồ Minh Thanh T, sim số 0989365634 của Lê Văn T, sim số 0979777363 của Nguyễn Thanh T và 14 bộ bài tú lơ khơ (gồm 05 bộ bài đã qua sử dụng và 09 bộ bài chưa qua sử dụng) do không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Lê Văn T, Phan Thế V và Phan Thị Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Khoảng từ 14 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 09/7/2018, tại thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông, các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Phan Thế V, Lê Văn T và Phan Thị Thanh T có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài phỏm. Tổng số tiền luân chuyển trên chiếu bạc và sử dụng vào mục đích đánh bạc là 16.510.000đ (*mười sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng)* đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Phan Thế V, Lê Văn T và Phan Thị Thanh T phạm tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều 321 của bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. ..."

[4] Hành vi đánh bạc được thua bằng tiền của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, do đó cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, sống tuân thủ pháp luật đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Tuy các bị cáo cùng thống nhất việc đánh bạc, hình thức đánh bạc nhưng không có sự bàn bạc, phân

công vị trí, vai trò cụ thể cho từng người và giữa những người đánh bạc không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cần xác định mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt, cụ thể: Bị cáo Phan Thị Thanh T và Châu Ngọc D là người tham gia đánh bạc tích cực nhất, các bị cáo tham gia từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang, số tiền bị cáo Phan Thị Thanh T sử dụng vào việc đánh bạc là nhiều nhất do đó cần xử phạt bị cáo Thủy mức hình phạt cao hơn bị cáo D là phù hợp; bị cáo Lê Văn T là người chuẩn bị 06 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, nước ngọt và bánh để phục vụ đánh bạc, bị cáo Phan Thế V là người chỉ dẫn địa điểm và mở chòi rẫy của anh Trần Quốc V để các bị cáo khác cùng vào đánh bạc do đó cần xử phạt bị cáo Lê Văn T và Phan Thế V mức hình phạt ngang nhau là phù hợp; bị cáo Nguyễn Thanh T và Hồ Minh Thanh T tham gia đánh bạc với mức độ ít hơn nên cần xử phạt bị cáo Tùng, Thoại mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[6] Về nhân thân của các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Phan Thị Thanh T là người có nhân thân xấu, ngày 07/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 05 tháng 02 ngày, về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số: 39/2012/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích. Bị cáo Châu Ngọc D bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số: 26/2007/HSST ngày 04/4/2007, tuy nhiên theo hướng dẫn tại điểm d khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015 thì *"...hành vi theo Bộ luật Hình sự năm 1999 (được hướng dẫn thi hành trong các văn bản quy phạm pháp luật) là tội phạm nhưng do có sửa đổi, bổ sung, thay đổi các yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi đó không cấu thành tội phạm nữa"* như vậy hành vi đánh bạc với số tiền luân chuyển trên chiếu bạc là 1.667.000đồng của Châu Ngọc D năm 2007 không cấu thành tội "*Đánh bạc*" theo Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên được coi là không có án tích.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo. Các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Phan Thế V, Lê Văn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo này là phù hợp.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy:

[9.1]Đối với đề nghị xin hưởng án treo của bị cáo Phan Thị Thanh T: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự không đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao mà cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo được việc giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[9.2]Bị cáo Châu Ngọc D có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo là người đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, phạm tội ít nghiêm trọng, theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo, do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trực tiếp giám sát, giáo dục là đủ, tạo điều kiện cho bị cáo trở thành công dân tốt, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

[9.3]Các bị cáo Phan Thế V và Lê Văn T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ vẫn đảm bảo tính răn đe, tạo điều kiện cho các bị cáo trở thành công dân tốt, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước và pháp luật. Đối với thời gian các bị cáo bị tạm giữ là 10 (mười) ngày (từ ngày 10-7-2018 đến ngày 19-7-2018) tính bằng 30 (ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ để khấu trừ khi quyết định hình phạt.

[9.4]Các bị cáo Nguyễn Thanh T và Hồ Minh Thanh T: Xét tính chất hành vi phạm tội, mức độ tham gia, số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng hình chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt, sống chấp hành pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh bị cáo Phan Thị Thanh T không có tài sản, có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo Lê Văn T và Phan Thế V sống bằng nghề làm nông và thợ cơ khí tuy nhiên thu nhập thấp, không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo là phù hợp; đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T và Hồ Minh Thanh T do áp dụng hình phạt chính đối với các bị cáo là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Đối với bị cáo Châu Ngọc D hiện đang sở

hữu 02 thửa đất tại xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[11] Về vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 48F7 - 4096 cho anh Lê Văn T; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số 47C - 123.48 cho chị Nguyễn Thị H; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0978838595 cho Châu Ngọc D; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0975731343 cho Lê Văn H; 01 điện thoại Oppo màu trắng bạc, bên trong có sim số 0899358647 cho Phan Thị Thanh T; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0906970385 và số tiền 5.000.000đồng cho Phan Thế V; số tiền 6.000.000đồng cho Nguyễn Thanh T; số tiền 210.000đồng cho Hồ Minh Thanh T, là các chủ sở hữu hợp pháp do không liên quan đến việc phạm tội là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền 16.510.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Hồ Minh Thanh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đencủa Nguyễn Thanh T; 01 điện thoại Nokia màu đen của Lê Văn T do liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 14 bộ bài tú lơ khơ (gồm 05 bộ bài đã qua sử dụng và 09 bộ bài chưa qua sử dụng; sim số 0983993539 của Hồ Minh Thanh T, sim số 0989365634 của Lê Văn T, sim số 0979777363 của Nguyễn Thanh T do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12]Đối với Trương Nhân H, Lê Văn H, có hành vi chuẩn bị tiền, mua đồ ăn và tú lơ khơ cho Hồ Minh Thanh T dùng vào việc đánh bạc nhưng do không biết mục đích của Hồ Minh Thanh T nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[13]Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Phan Thế V, Lê Văn T (tên gọi khác: Chín), Phan Thị Thanh T (tên gọi khác: Thúy) phạm tội "*Đánh bạc*"

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Phan Thị Thanh T (tên gọi khác: T) 06 (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 10-7-2018 đến ngày 13-7-2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2 khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Châu Ngọc

D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Châu Ngọc D về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng hình phạt bổ sung số tiền là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Châu Ngọc D.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác: C) và Phan Thế V mỗi bị cáo 01 (một) năm Cải tạo không giam giữ. (Được khấu trừ thời gian các bị cáo bị tạm giữ là 10 (mười) ngày (từ ngày 10-7-2018 đến ngày 19-7-2018) tính bằng 30 (ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ). Các bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 11 (mười một) tháng. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Lê Văn T và Phan Thế V trong thời gian chấp hành hình phạt. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Thanh T và Hồ Minh Thanh T mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 48F7 - 4096 cho anh Lê Văn T; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số 47C - 123.48 cho chị Nguyễn Thị H; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0978838595 cho Châu Ngọc D; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0975731343 cho Lê Văn H; 01 điện thoại Oppo màu trắng bạc, bên trong có sim số 0899358647 cho Phan Thị Thanh T; 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có sim số 0906970385 và số tiền 5.000.000đồng cho Phan Thế V; số tiền 6.000.000đồng cho Nguyễn Thanh T; số tiền 210.000đồng cho Hồ Minh Thanh T, là các chủ sở hữu hợp pháp do không liên quan đến việc phạm tội.

2.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.510.000đ (*Mười sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng)* theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 10-8-2018; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Hồ Minh

Thanh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Thanh T; 01 điện thoại Nokia màu đen của Lê Văn T do liên quan đến việc phạm tội.

2.3. Tịch thu tiêu hủy 14 bộ bài tú lơ khơ (gồm 05 bộ bài đã qua sử dụng và 09 bộ bài chưa qua sử dụng; sim số 0983993539 của Hồ Minh Thanh T, sim số 0989365634 của Lê Văn T, sim số 0979777363 của Nguyễn Thanh T do không còn giá trị sử dụng.

Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02-10-2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Hồ Minh Thanh T, Nguyễn Thanh T, Châu Ngọc D, Phan Thế V, Lê Văn T (tên gọi khác: Chín), Phan Thị Thanh T (tên gọi khác: Thúy) mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKS ND huyện Đắk Mil;
-Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
-Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
-Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
-Chi cục THADS huyện M;
-Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh